

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư;

2. Ông Lê Văn Vẹn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2020/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 456/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trịnh Hà Diễm T, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Số 173/6B, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Số 217/2, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Quốc Th, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: Tổ 13, khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị T có mặt tại phiên tòa; Anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Hà Diễm T trình bày: Năm 2010. Do mai mối nên chị T và anh Trần Quốc Th tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố L, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn

số 111, ngày 26/9/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Th.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh Th có 02 con chung tên Trần Thiện Ph, sinh ngày 10/8/2011 và Trần Linh Đ, sinh ngày 03/8/2016. Chị T yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 351/TB-TLVA ngày 29/6/2020 cho anh Trần Quốc Th thông qua người thân là ông Trần Văn B (cha ruột anh Th) nhận thay và ông B xác nhận có báo lại cho anh Th biết về việc chị T khởi kiện ly hôn với anh Th tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh Th đối với yêu cầu của chị T và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th vắng mặt theo các lần triệu tập. Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung. Ngày 28/10/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 725/2020/TB-TA về việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Trần Quốc Th, nhưng anh Th cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt, chị T vẫn yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công an phường Long Sơn; Hội liên hiệp phụ nữ phường Long Sơn; Xác minh (lấy lời khai) của ông Trần Văn B và bà Khương Thị Tuyết M (cha mẹ ruột anh Th), cụ thể:

- Công an phường Long Sơn, thị xã Tân Châu cho biết: Anh Trần Quốc Th, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 13, khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang (hồ sơ hộ khẩu 1216) và thường xuyên vắng mặt ở địa phương.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Sơn, thị xã Tân Châu cung cấp: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Trịnh Hà Diễm T và anh Trần Quốc Th mâu thuẫn như thế nào thì Hội Phụ nữ không biết do chị T và anh Th không thường xuyên sống tại địa phương. Về con chung, chị T và anh Th có 02 con chung tên Trần Thiện Ph, sinh ngày 10/8/2011 và Trần Linh Đ, sinh ngày 03/8/2016, hiện cháu Phúc và cháu Đ đều sống với mẹ (Trịnh Hà Diễm T) và hiện được chị T chăm sóc, nuôi dạy các cháu. Tại địa phương, cũng không nghe nói chị T có hành vi bạo lực, ngược đãi các cháu.

- Ông Trần Văn B và bà Khương Thị Tuyết M (cha mẹ ruột anh Th) cung cấp: Năm 2010, Th và T được mai mối, gia đình hai bên chấp thuận, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng T và Th sống bên gia đình của T tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời gian đầu T và Th chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên xảy ra cự cãi và sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn qua lại, liên lạc cho nhau nữa. Gia đình cũng đã động viên nhưng T và Th không thể hàn gắn tình cảm. T và Th có 02 con chung tên Trần Thiện Ph, sinh năm 2011 và Trần Linh Đ, sinh năm 2016. Từ nhỏ cho đến nay, hai cháu đều sống với T và ông bà ngoại của các cháu, được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, Th cũng thống nhất giao 02 con chung cho T chăm sóc, nuôi dưỡng, còn Th thường xuyên đi làm ở Campuchia, ít khi về nhà để lo cho các con.

Ngoài ra, ông Trần Văn B có nhận thay Thông báo thụ lý vụ án số 351/TB-TLVA ngày 29/6/2020 và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 424/TB-TA ngày 15/7/2020 do Tòa án tổng đạt cho anh Th, nhưng anh Th không về và không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị T yêu cầu ly hôn. Ông B cam kết có giao lại các văn bản tố tụng cho anh Th và anh Th có biết sự việc trên.

- Cháu Trần Thiện Ph khai, Cháu Ph đang học lớp 4, trường thực hành sư phạm. Cháu Ph có nguyện vọng sống chung với chị T, vì được chị T yêu thương, chăm sóc, nuôi dạy, có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị T và anh Th là hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2016. Năm 2018, chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ.

Về con chung: Chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 cháu Trần Thiện Ph, sinh ngày 10/8/2011 và Trần Linh Đ, sinh ngày 03/8/2016, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Ph có nguyện vọng được sống với chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Hà Diễm T được ly hôn anh Trần Quốc Th.

Về con chung: Chị Trịnh Hà Diễm T được nuôi 02 con chung tên: Trần Thiện Ph, sinh ngày 10/8/2011 và Trần Linh Đ, sinh ngày 03/8/2016. Anh Trần Quốc Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trịnh Hà Diễm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Hà Diễm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Th. Anh Th có nơi cư trú: Tổ 13, khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Quốc Th được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2010, chị Trịnh Hà Diễm T và anh Trần Quốc Th do mai mối, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố L, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111, ngày 26/9/2016, hôn nhân giữa chị T và anh Th là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị T khai: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Cuộc sống chung giữa chị T và anh Th

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Th.

Biên bản xác minh (lấy lời khai) ông Trần Văn B và bà Khương Thị Tuyết M (cha mẹ ruột anh Th) cho biết: Năm 2018, T và Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên xảy ra cự cãi và sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn qua lại, liên lạc cho nhau nữa. Gia đình cũng đã động viên nhưng không thể hàn gắn tình cảm.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, chị T và anh Th không còn qua lại, liên lạc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị T và anh Th hàn gắn tình cảm, nhưng anh Th vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị T và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị T. Xét, cho chị Trịnh Hà Diễm T ly hôn với anh Trần Quốc Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên: Trần Thiện Ph, sinh ngày 10/8/2011 và Trần Linh Đ, sinh ngày 03/8/2016; Không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản lời khai cháu Ph có nguyện vọng được sống với chị T vì có cuộc sống đầy đủ và được đi học đúng độ tuổi.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Sơn, thị xã Tân Châu: Cháu Ph và cháu Đ đều sống với chị Trịnh Hà Diễm T và hiện được chị T chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

Biên bản lời khai ông Trần Văn B và bà Khương Thị Tuyết M (cha mẹ ruột anh Th): Từ nhỏ cho đến nay, hai cháu Ph và Đ đều sống với T và ông bà ngoại của các cháu, đồng thời được T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, còn Th thường xuyên đi làm ở Campuchia, ít khi về nhà để lo cho các cháu.

Xét, chị T yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung Trần Thiện Ph, sinh ngày 10/8/2011 và Trần Linh Đ, sinh ngày 03/8/2016, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Trịnh Hà Diễm T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Quốc Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trịnh Hà Diễm T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Trần Quốc Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Hà Diễm T.

Chị Trịnh Hà Diễm T được ly hôn với anh Trần Quốc Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 111, ngày 26/9/2016, do UBND phường H, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho chị Trịnh Hà Diễm T và anh Trần Quốc Th không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trịnh Hà Diễm T được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên: Trần Thiện Ph, sinh ngày 10/8/2011 và Trần Linh Đ, sinh ngày 03/8/2016. Anh Trần Quốc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trịnh Hà Diễm T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Quốc Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trịnh Hà Diễm T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0001220 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trịnh Hà Diễm T đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Quốc Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết